

PHÒNG GD-ĐT THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TRƯỜNG THCS TRẦN QUÝ CÁP

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ (13 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	3 1đ	Câu 1(a,b)- 1đ			1 0,33đ				5,0 đ 50%
		Các phép tính với số hữu tỉ.			3 1đ	Câu 3.1a,b- 0,5đ	2 0,67đ	Câu 3.2- 0,5đ			
2	Góc và đường thẳng song song (15 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc. Dấu hiệu và tính chất của hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid. Định lý và chứng minh định lý.	2 0,67đ	Câu 4a- 1đ	1 0,33đ	Câu 2 (Vẽ hình)- 0,5đ		Câu 2- 0,5đ		Câu 4b,c- 1đ	4 40%
4	Tam giác bằng nhau (4 tiết)	Tổng các góc trong một tam giác. Hai tam giác bằng nhau. Trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giác.	1 0,33đ		2 0,67đ						1 10%
Tổng: Số câu Điểm			6 2,0đ	4 2,0đ	6 2,0đ	3 1,0đ	3 1,0đ	2 1,0đ		2 1,0 đ	26 10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100 %

II. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: - Vận dụng kiến thức biến đổi rồi sắp xếp số hữu tỉ.	3 (TN1, 2,3); (TL1 a, b) 2đ		1 (TN4) 0,33đ	
		Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ - Quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. - Hiểu định nghĩa lũy thừa của một số hữu tỉ - Hiểu quy tắc nhân hai phân số Vận dụng: - Vận dụng thứ tự thực hiện phép tính để tính toán - Sử dụng công thức lũy thừa của lũy thừa để so sánh được hai số hữu tỉ.		3 (TN5, 6, 7); (TL3.1 a,b) 1,5đ	2 (TN8, 9); (TL3.2) 1,17đ	

2	Góc và đường thẳng song song	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết: - Nhận biết các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc so le trong, hai góc đối đỉnh, hai góc đồng vị, hai góc kề bù) - Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Tính chất 2 đường thẳng song song - Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập. Vận dụng: - Vận dụng tính chất và dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song để chứng minh hoặc tính số đo góc.	2 (TN10, 12); (TL: 4a) 1,67đ	1 (TN13); (TL2 vẽ hình) 0,83đ	1 (TL2) 0,5đ	2 (TL4b, c) 1đ
3	Tam giác bằng nhau	Tam giác. Tam giác bằng nhau.	Nhận biết: - Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác. - Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau.	1 (TN11) 0,33 đ	2 (TN14, 15) 0,67đ		

TRƯỜNG THCS TRẦN QUÝ CÁP Họ và tên HS:..... Lớp:...../..... SBD:..... Phòng thi:..... ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề kiểm tra gồm có 02 trang)	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I Năm học: 2023-2024 Môn: Toán Khối: 7 Thời gian làm bài: 60 phút (Không kể thời gian giao đề)	<u>Điểm</u>
--	---	--------------------

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Câu 1. Câu nào sau đây đúng?

A. $\frac{2}{7} \in \mathbb{N}$

B. $\frac{4}{9} \in \mathbb{Z}$

C. $\frac{3}{8} \notin \mathbb{Q}$

D. $\frac{-4}{7} \in \mathbb{Q}$

Câu 2. Số đối của $\frac{-3}{5}$ là:

A. $\frac{5}{3}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{-5}{3}$

D. $\frac{3}{-5}$

Câu 3. Trong các câu sau, câu nào đúng?

A. Số nguyên âm không phải là số hữu tỉ âm

B. Số 0 là số hữu tỉ dương.

C. Số hữu tỉ âm nhỏ hơn số hữu tỉ dương..

D. Tập hợp $\mathbb{Q}$ gồm các số hữu tỉ dương và các số hữu tỉ âm.

Câu 4. Chọn đáp án đúng trong các đáp án sau:

A. $\frac{-3}{7} > \frac{-1}{7}$

B. $5,3 < 5,299$

C. $\frac{-5}{8} < \frac{-3}{8}$

D. $-7,31 > -2,2$

Câu 5. Viết tích $\frac{2}{7} \cdot \frac{2}{7} \cdot \frac{2}{7}$ về dạng lũy thừa được

A. $\frac{2^3}{7}$

B. $\frac{2}{7^3}$

C. $\left(\frac{2}{7}\right)^3$

D. $\frac{(2)^3}{7}$

Câu 6. Cho $x + a = b$ thì cách viết nào sau là đúng ?

A. $x = b + a$

B. $x = b - a$

C. $x = a - b$

D. $x = b \cdot (-a)$

Câu 7. Kết quả $\left(\frac{234}{567}\right)^0$ bằng

A. 0

B. 1

C. $\frac{234}{567}$

D. $\frac{567}{234}$

Câu 8. Kết quả phép tính $\left(-\frac{2}{3}\right)^2$ là

A. $\frac{4}{9}$

B. $\frac{4}{3}$

C. $\frac{-2}{9}$

D. $\frac{-4}{9}$

Câu 9. Kết quả của phép tính $2\frac{1}{3} \cdot \frac{-2}{7}$ là

A. $\frac{-2}{3}$

B. 1

C. $\frac{-49}{6}$

D. -1

Câu 10. Cho điểm M không thuộc a. Số đường thẳng qua M song song với a là:

A. 2.

B. 1.

C. 3.

D. vô số.

Câu 11. Tổng các góc trong một tam giác bằng?

A. 90°

B. 120°

C. 150°

D. Đáp án khác

Câu 12. Quan sát hình vẽ bên cạnh, góc đối đỉnh của góc $\widehat{x'Oy}$ là

A. $\widehat{x'Oy'}$

B. $\widehat{xOy}$

C. $\widehat{xOy'}$

D. $\widehat{yOx'}$

Câu 13. Quan sát hình 1. Khẳng định nào sau đúng?

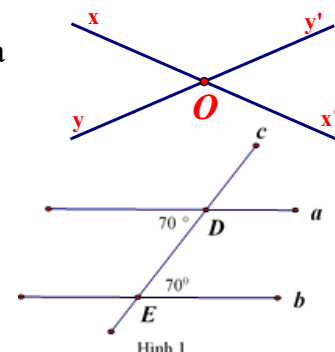
A. $a \parallel b$.

B. $a = b$.

C. $a \equiv b$.

D. $a \perp b$.

Type equation here.



Hình 1

Câu 14. Cho biết $\Delta IHK = \Delta DEF$ Khẳng định nào sau đây đúng?

$$\mathbf{B}.\hat{H} = \hat{E}$$
$$D.\hat{I} = \hat{F}$$

Câu 15. Cho hai tam giác bằng nhau $\triangle DEF = \triangle MNP$. Khi đó:

B. NP = DF.

D. DF=MP.

II. PHẦN TỰ LUẬN : (5,0 điểm)

Câu 1. 1,0 điểm.

a) So sánh hai số hữu tỉ sau: $-0,75$ và $-\frac{1}{4}$

b) Sắp xếp các số hữu tỉ sau theo thứ tự tăng dần: $-3\frac{1}{4}$; 5,3; 0; -1,75; 2.

Câu 2. 1,0 điểm

Vẽ hình, viết giả thiết và kết luận bằng ký hiệu của định lý: “Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì vuông góc với đường thẳng còn lại”

Câu 3. 1,0 điểm

3.1. Thực hiện phép tính: a) $-0,5 + \frac{2}{3}$ b) $\frac{-8}{9} \cdot 0,75$

3.2. Để làm một cái bánh Trung Thu, cần $3\frac{2}{5}$ cốc bột. Hồng đã có $1\frac{1}{2}$ cốc bột. Hỏi Hồng cần bao nhiêu cốc bột nữa để vừa đủ làm một cái bánh?

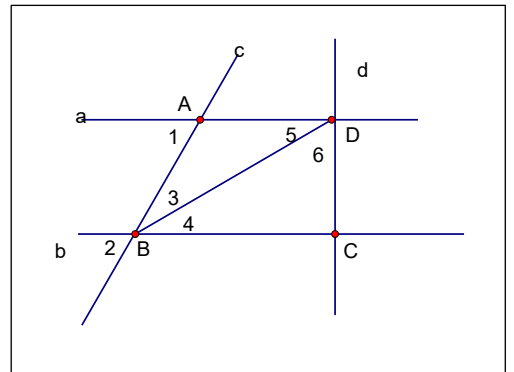
Câu 4. 2,0 điểm

Cho hình ở bên, biết $\hat{A}_1 = \hat{B}_2 = \hat{D}_6 = 60^\circ$, BD là tia phân giác góc ABC

a) Hãy giải thích vì sao $a \parallel b$

b) Tính số đo góc D_5 . Rồi suy ra số đo góc ADC. .

c) Chứng tỏ đường thẳng d vuông góc với đường thẳng b .



-----**HẾT**-----

Bài làm :

A/- Trắc nghiệm :

[illegible]

B/- Tự luận :

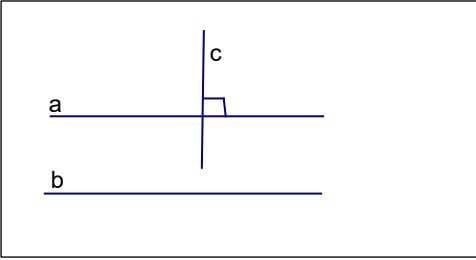
[illegible]

[illegible]

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,33 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đ/án	D	B	C	C	C	B	B	A	A	B	180 ⁰ Hoặ c D	C	A	B	D

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1 (1,0đ)	a) Ta có: $-0,75 = \frac{-3}{4} < \frac{-1}{4}$	0,5
	b) Ta có: $-3\frac{1}{4} < -1,75 < 0 < 2 < 5,3$	0,5
2 (1,0đ)		0,5
	GT $a \perp c$ a//b	0,25
	KL $b \perp c$	0,25
3 (1,0đ)	3.1. a) $-0,5 + \frac{2}{3} = \frac{-1}{2} + \frac{2}{3} = \frac{-3}{6} + \frac{4}{6} = \frac{1}{6}$	0,25
	b) $\frac{-8}{9} \cdot 0,75 = \frac{-8}{9} \cdot \frac{3}{4} = -\frac{2}{3}$	0,25
	3.2. Ta có: $3\frac{2}{5} = \frac{17}{5}$; $1\frac{1}{2} = \frac{3}{2}$; $\frac{17}{5} - \frac{3}{2} = \frac{34}{10} - \frac{15}{10} = \frac{19}{10} = 1\frac{1}{10}$ Vậy Hồng cần thêm $2\frac{1}{6}$ cốc bột nữa để làm một cái bánh.	0,25
4 (2,0đ)	a) Ta có $\widehat{A_1} = \widehat{B_2} = 60^0$ (theo giả thiết) Mà hai góc này ở vị trí đồng vị nên a//b	0,5
	b) Ta có: $\widehat{B} = \widehat{ABC} = 60^0$ (đối đỉnh) Do BD là phân giác góc ABC, nên $\widehat{ABD} = \widehat{DBC} = 30^0$ Và $\widehat{DBC} = \widehat{D_5} = 30^0$ (so le trong) $\widehat{ADC} = \widehat{D_5} + \widehat{D_6} = 30^0 + 60^0 = 90^0$ hay a vuông góc với d	0,25
		0,25
	c) vì $d \perp a$ và $a//b$, nên $d \perp b$	0,25

(Lưu ý: Học sinh làm cách khác nếu đúng vẫn được điểm tối đa)

---Hết---

